

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MINH HỮU LIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/3/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2022

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2022

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

10 – 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH**

Chủ tịch Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2022.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Đình Thành	Chủ tịch – Đại diện pháp luật – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch – Đại diện pháp luật – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Khưu Chí Cường	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Khương Đức Cường	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Đăng Duy Hải	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Phạm Vĩnh Đức	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Võ Quốc Toàn	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Ngọc Diễm	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Ngô Việt Phương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Duy Bình	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Diễm	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khưu Chí Cường	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Tấn Quốc	Quyền Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH**

Chủ tịch Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Huỳnh Đình Thành**  
**Chủ tịch – Đại diện pháp luật**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

Số: 05/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, được lập ngày 14 tháng 5 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Chủ tịch**

Chủ tịch Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/3/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/3/2022	Tại ngày 01/10/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>222.895.049.632</b>	<b>162.664.028.981</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>725.082.322</b>	<b>2.328.111.499</b>
1. Tiền	111	4.1	725.082.322	2.328.111.499
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>201.764.858.763</b>	<b>39.054.656.931</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	201.713.326.985	39.093.537.164
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		760.611.041	363.114.886
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		172.841.344	479.925.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(881.920.607)	(881.920.607)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.543.365.289</b>	<b>112.352.988.067</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	17.543.365.289	113.244.352.554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(891.364.487)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.861.743.258</b>	<b>8.928.272.484</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.523.313.025	1.226.590.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.054.668.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	1.338.430.233	647.012.747
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>66.920.488.161</b>	<b>65.735.768.998</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>156.000.000</b>	<b>416.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.000.000	416.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.092.740.149</b>	<b>42.876.109.125</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	45.041.969.670	42.802.879.554
Nguyên giá	222		80.619.525.903	80.633.202.042
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.577.556.233)	(37.830.322.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227		50.770.479	73.229.571
Nguyên giá	228		530.484.000	530.484.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(479.713.521)	(457.254.429)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.671.748.012</b>	<b>22.443.659.873</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	21.671.748.012	22.443.659.873
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>289.815.537.793</b>	<b>228.399.797.979</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/3/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/3/2022	Tại ngày 01/10/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>232.217.284.936</b>	<b>191.568.897.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>207.503.175.348</b>	<b>169.623.002.033</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	114.115.799.065	51.888.461.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.980.108.913	425.775.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	9.774.251.717	3.637.314.364
4. Phải trả người lao động	314		17.913.000	649.565.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.027.102.006	930.297.689
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.9	79.588.000.647	112.091.587.777
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.714.109.588</b>	<b>21.945.895.588</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.9	24.714.109.588	21.945.895.588
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.598.252.857</b>	<b>36.830.900.358</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.10	<b>57.598.252.857</b>	<b>36.830.900.358</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.000.053.297	2.000.053.297
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.164.763.740	(19.602.588.759)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(19.602.588.759)	1.098.209.761
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.767.352.499	(20.700.798.520)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>289.815.537.793</b>	<b>228.399.797.979</b>



Huỳnh Đình Thành  
 Chủ tịch - Đại diện pháp luật  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

Lê Thanh Phương  
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/3/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.12	314.534.932.507	150.386.432.020
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		314.534.932.507	150.386.432.020
3. Giá vốn hàng bán	11	4.13	272.422.095.985	136.461.337.139
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.112.836.522	13.925.094.881
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		669.240.850	462.593.289
6. Chi phí tài chính	22	4.14	4.598.076.630	4.650.733.845
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.249.997.905	4.414.709.052
7. Chi phí bán hàng	25	4.15	10.307.554.291	9.878.284.601
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.16	3.746.314.552	4.284.744.320
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.130.131.899	(4.426.074.596)
10. Thu nhập khác	31		411.633.063	5.925.907.727
11. Chi phí khác	32		60.690.230	329.461
12. Lợi nhuận khác	40		350.942.833	5.925.578.266
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.481.074.732	1.499.503.670
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.18	3.713.722.233	1.308.427.009
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.767.352.499	191.076.661
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.10.4	3.927	36



Huỳnh Đình Thành

Chủ tịch - Đại diện pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

Lê Thanh Phương

Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga

Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/3/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.481.074.732	1.499.503.670
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.17	3.544.289.501	3.772.825.309
Các khoản dự phòng	03		(891.364.487)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(34.546.553)	(84.356.857)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(142.902.325)	(4.697.424.751)
Chi phí lãi vay	06	4.14	4.249.997.905	4.414.709.052
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.206.548.773	4.905.256.423
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(156.086.950.384)	21.656.913.802
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		95.700.987.265	(8.532.668.260)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		66.763.486.369	(11.857.724.072)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		475.189.639	1.276.932.484
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.343.446.062)	(4.414.709.052)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(7.193.284)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>33.715.815.600</b>	<b>3.026.808.041</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.000.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		381.981.800	4.695.454.546
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.970.205
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.618.018.200)</b>	<b>4.697.424.751</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/3/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.19	163.210.108.055	133.116.110.976
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.20	(192.945.481.185)	(137.310.935.729)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.735.373.130)</b>	<b>(4.194.824.753)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(1.637.575.730)</b>	<b>3.529.408.039</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.328.111.499	4.337.078.659
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		34.546.553	58.471.853
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>725.082.322</b>	<b>7.924.958.551</b>



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Huỳnh Đình Thành  
 Chủ tịch - Đại diện pháp luật  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

Lê Thanh Phương  
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 12 tháng 5 năm 2022 để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 là 154 người (30 tháng 9 năm 2021 là 190).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: Bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 3 năm 2022:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm hiện hành.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 (dưới đây gọi tắt là "Kỳ này") thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Các số liệu so sánh của kỳ tương ứng của niên độ trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dưới đây gọi tắt là "Kỳ trước".

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Tiền mặt	188.661.875	1.574.113.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	536.420.447	753.997.909
<b>Cộng</b>	<b>725.082.322</b>	<b>2.328.111.499</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Nhất Long Group	59.800.286.190	-
Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Thương Mại Sài Gòn	44.966.024.758	-
Công ty TNHH TMDV Quang Nguyên	50.270.674.902	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thời Việt	24.943.977.744	-
Các khách hàng khác (*)	21.732.363.391	39.093.537.164
<b>Cộng</b>	<b><u>201.713.326.985</u></b>	<b><u>39.093.537.164</u></b>

(\*) Tại ngày 31/3/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/3/2022 VND		Tại ngày 01/10/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán	2.113.617.682	1.231.697.075	2.113.617.682	1.231.697.075

Công ty đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn trên là thấp vì các khoản phải thu này đã quá thời hạn trên 01 năm nhưng Công ty vẫn chưa thu được nợ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/3/2022			Tại ngày 01/10/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phan Minh Phát	610.000.000	367.676.100	>02 đến 03 năm	610.000.000	367.676.100	>02 đến 03 năm
Nguyễn Thành Phát	620.000.000	392.898.349	>02 đến 03 năm	620.000.000	392.898.349	>02 đến 03 năm
Trần Minh Hoàng	520.000.000	331.312.200	>02 đến 03 năm	520.000.000	331.312.200	>02 đến 03 năm
Nguyễn Hồng Phượng	234.000.000	90.001.587	>01 đến 03 năm	234.000.000	90.001.587	>01 đến 03 năm
Các khách hàng khác	129.617.682	49.808.839	>01 năm	129.617.682	49.808.839	>01 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.113.617.682</b>	<b>1.231.697.075</b>		<b>2.113.617.682</b>	<b>1.231.697.075</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/3/2022		Tại ngày 01/10/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.157.397.091	-	39.110.348.370	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	324.005.638	-	9.612.606.910	-
Thành phẩm	6.061.962.560	-	57.298.784.478	(891.364.487)
Hàng hóa	-	-	7.222.612.796	-
<b>Cộng</b>	<b>17.543.365.289</b>	<b>-</b>	<b>113.244.352.554</b>	<b>(891.364.487)</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2021	39.890.000.638	35.039.313.844	4.806.519.541	897.368.019	80.633.202.042
Mua trong kỳ	-	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.358.949.938)	(1.289.618.182)	(365.108.019)	(6.013.676.139)
<b>Tại ngày 31/3/2022</b>	<b>39.890.000.638</b>	<b>36.680.363.906</b>	<b>3.516.901.359</b>	<b>532.260.000</b>	<b>80.619.525.903</b>

## Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/10/2021	11.967.000.192	21.374.629.784	3.813.099.528	675.592.984	37.830.322.488
Khấu hao trong kỳ	1.994.500.032	1.294.090.502	180.013.881	53.225.994	3.521.830.409
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.310.044.530)	(1.099.444.115,00)	(365.108.019,00)	(5.774.596.664)
<b>Tại ngày 31/3/2022</b>	<b>13.961.500.224</b>	<b>18.358.675.756</b>	<b>2.893.669.294</b>	<b>363.710.959</b>	<b>35.577.556.233</b>

## Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/10/2021	27.923.000.446	13.664.684.060	993.420.013	221.775.035	42.802.879.554
<b>Tại ngày 31/3/2022</b>	<b>25.928.500.414</b>	<b>18.321.688.150</b>	<b>623.232.065</b>	<b>168.549.041</b>	<b>45.041.969.670</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 30.857.996.321 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.863.572.352 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	738.571.500	259.504.500
Các khoản khác	784.741.525	967.086.303
<b>Cộng</b>	<b><u>1.523.313.025</u></b>	<b><u>1.226.590.803</u></b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 4.23	20.628.074.096	20.910.650.456
Công cụ dụng cụ	968.118.520	1.217.813.564
Các khoản khác	75.555.396	315.195.853
<b>Cộng</b>	<b><u>21.671.748.012</u></b>	<b><u>22.443.659.873</u></b>

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh đến ngày 31/3/2022 là 20.628.074.096 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.9.

**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/3/2022 VND		Tại ngày 01/10/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	10.581.382.443	10.581.382.443	12.952.608.183	12.952.608.183
Công ty TNHH Walkman	81.778.640.640	81.778.640.640	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	21.755.775.982	21.755.775.982	38.935.853.458	38.935.853.458
<b>Cộng</b>	<b><u>114.115.799.065</u></b>	<b><u>114.115.799.065</u></b>	<b><u>51.888.461.641</u></b>	<b><u>51.888.461.641</u></b>

(\*) Tại ngày 31/3/2022, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/3/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	2.386.039.926	2.628.630.124	242.590.198	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.534.313.658	2.537.982.838	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.923.429.069	3.713.722.233	-	-	3.209.706.836
Thuế thu nhập cá nhân	58.669.704	97.485.956	48.692.665	10.431.948	56.086.047	56.641.582
Các loại thuế khác	1.279.760.529	-	-	688.833.829	590.926.700	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	367.296.766	-	-	-	367.296.766
<b>Cộng</b>	<b>1.338.430.233</b>	<b>9.774.251.717</b>	<b>8.925.358.680</b>	<b>3.479.838.813</b>	<b>647.012.747</b>	<b>3.637.314.364</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/3/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/10/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	74.909.738.709	74.909.738.709	158.210.108.055	190.314.129.247	107.013.759.901	107.013.759.901
Vay dài hạn đến hạn trả	4.678.261.938	4.678.261.938	2.231.786.000	2.631.351.938	5.077.827.876	5.077.827.876
<b>Cộng</b>	<b>79.588.000.647</b>	<b>79.588.000.647</b>	<b>160.441.894.055</b>	<b>192.945.481.185</b>	<b>112.091.587.777</b>	<b>112.091.587.777</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	19.714.109.588	19.714.109.588	-	2.231.786.000	21.945.895.588	21.945.895.588
Vay cá nhân	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.714.109.588</b>	<b>24.714.109.588</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>2.231.786.000</b>	<b>21.945.895.588</b>	<b>21.945.895.588</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.302.110.235</b>	<b>104.302.110.235</b>	<b>165.441.894.055</b>	<b>195.177.267.185</b>	<b>134.037.483.365</b>	<b>134.037.483.365</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (bình quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của Công ty – Xem thêm mục 4.5 và được bảo lãnh bởi Ông Trần Tuấn Minh và Ông Phạm Vĩnh Đức – Xem thêm mục 4.22.

Vay dài hạn bao gồm:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với số dư nợ vay 19.714.109.588 VND có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.5 và 4.6.
- Khoản vay từ Ông Trần Tuấn Minh với số dư nợ vay 5.000.000.000 VND có thời hạn 3 năm và không lãi suất – Xem thêm mục 4.22.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Vốn chủ sở hữu****4.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/10/2020	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	6.423.643.313	1.798.209.761	62.655.288.894
Lãi trong 06 tháng đầu niên độ trước	-	-	-	-	-	191.076.661	191.076.661
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Chi phí di dời và đầu tư trụ sở mới	-	-	-	-	(4.315.530.851)	-	(4.315.530.851)
Số dư tại ngày 31/3/2021	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.108.112.462	1.289.286.422	57.830.834.704
Lỗ trong 06 tháng cuối niên độ trước	-	-	-	-	-	(20.891.875.181)	(20.891.875.181)
Chi phí di dời và đầu tư trụ sở mới	-	-	-	-	(108.059.165)	-	(108.059.165)
Số dư tại ngày 01/10/2021	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	(19.602.588.759)	36.830.900.358
Lãi trong 06 tháng đầu niên độ này	-	-	-	-	-	20.767.352.499	20.767.352.499
<b>Số dư tại ngày 31/3/2022</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>124.205.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>2.000.053.297</b>	<b>1.164.763.740</b>	<b>57.598.252.857</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	13.328.680.000
Ông Trần Tuấn Minh	24.506.380.000	24.506.380.000
Các đối tượng khác	16.474.170.000	16.474.170.000
<b>Cộng</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>54.309.230.000</b>

**4.10.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/3/2022	Tại ngày 01/10/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.10.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	20.767.352.499	191.076.661
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	20.767.352.499	191.076.661
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.288.623	5.288.623
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.927</b>	<b>36</b>

**4.11. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/3/2022	Tại ngày 01/10/2021
USD	3700,63	7.405,83

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý – Do khách hàng không có khả năng thanh toán:		
Công ty TNHH MTV DVTM XNK Quyền Hưng	401.230.064	401.230.064
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A – XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	224.887.040
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	180.120.000
Các khách hàng khác	413.242.343	413.242.343
<b>Cộng</b>	<b>1.219.479.447</b>	<b>1.219.479.447</b>

**4.12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	148.698.346.094	20.120.260.042
Doanh thu bán thành phẩm	165.836.586.413	130.266.171.978
<b>Cộng</b>	<b>314.534.932.507</b>	<b>150.386.432.020</b>

Doanh thu trong kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước, chủ yếu là tăng mạnh doanh thu từ bán hàng hóa, nguyên vật liệu thép do Công ty có thêm 5 khách hàng mới phát sinh trong kỳ này và chiếm 58% tổng doanh thu bán hàng.

**4.13. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	120.582.402.984	15.679.883.608
Giá vốn của thành phẩm đã bán	151.839.693.001	120.781.453.531
<b>Cộng</b>	<b>272.422.095.985</b>	<b>136.461.337.139</b>

Giá vốn kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu của kỳ này.

**4.14. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	4.249.997.905	4.414.709.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá	348.078.725	236.024.793
<b>Cộng</b>	<b>4.598.076.630</b>	<b>4.650.733.845</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.229.493.328	2.437.752.155
Chi phí dụng cụ đồ dùng	640.641.303	784.955.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.493.830	65.578.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.720.979.026	5.785.443.825
Các khoản chi phí khác	680.946.804	804.554.494
<b>Cộng</b>	<b>10.307.554.291</b>	<b>9.878.284.601</b>

**4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.578.759.687	2.748.207.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.205.137	306.319.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.559.245	752.983.231
Chi phí bằng tiền khác	511.790.483	477.234.347
<b>Cộng</b>	<b>3.746.314.552</b>	<b>4.284.744.320</b>

**4.17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hàng thương mại	134.439.731.227	15.653.192.641
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.882.010.773	113.752.638.631
Chi phí nhân công	11.448.890.070	15.614.562.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.544.289.501	3.772.825.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.442.882.780	9.233.071.378
Chi phí khác bằng tiền	1.192.737.287	1.281.788.841
<b>Cộng</b>	<b>225.950.541.638</b>	<b>159.308.079.245</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	24.481.074.732	1.499.503.670
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	699.955.501	739.524.001
Trừ: Lỗ của Chi nhánh do được kê khai riêng	-	(4.303.107.374)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(5.653.596.336)	
Trừ: Các khoản thu nhập được miễn thuế	(958.822.730)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	18.568.611.167	6.542.135.045
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>3.713.722.233</b>	<b>1.308.427.009</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có đầy đủ chứng từ theo quy định.

**4.19. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	163.210.108.055	133.116.110.976

**4.20. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	192.945.481.185	137.310.935.729

**4.21. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

**4.22. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn – Xem thêm mục 4.9:		
Thành viên HĐQT	5.000.000.000	-

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về tiền vay:		
Thành viên HĐQT	5.000.000.000	1.500.000.000

**Cam kết bảo lãnh:**

Các thành viên HĐQT là Ông Trần Tuấn Minh và Ông Phạm Vĩnh Đức đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Xem thêm mục 4.9.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<b>Chức vụ</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Lê Tấn Quốc	Quyền Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022	154.940.006	151.649.000
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc	166.342.000	234.941.690
<b>Cộng</b>		<b>321.282.006</b>	<b>386.590.690</b>

Trong kỳ này Công ty không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban kiểm soát.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê hoạt động**

Nghĩa vụ theo hợp đồng thuê hoạt động bao gồm: Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057 với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.6.

**4.24. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê văn phòng, kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.852.377.936	1.542.545.454

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	508.410.000	5.790.351.818
Trên 1 năm đến 5 năm	-	4.862.095.455
<b>Cộng</b>	<b>508.410.000</b>	<b>10.652.447.273</b>

**4.25. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	36	(1.001)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự khác biệt giữa tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch được sử dụng để ước tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu khi phát hành báo cáo tài chính kỳ trước và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi được Hội đồng quản trị thông qua sau đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa có tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31/3/2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/3/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



**Huỳnh Đình Thành**  
Chủ tịch - Đại diện pháp luật  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

**Lê Thanh Phương**  
Kế toán trưởng

**Đinh Thị Phương Nga**  
Người lập

